TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26/01/2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Hợp
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Dương Văn Thoi.
2. Ông Đỗ Văn Ngôn.

- Thư ký phiên toà: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Vi Đức Thứ – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2020/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982 – có mặt.

- Bị đơn: Anh Giáp Văn C, sinh năm 1979 – có mặt.

Đều địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T: Chị T và anh Giáp Văn C kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 07/9/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau ngay, có thời gian hòa thuận nay có 02 con chung. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C có quan hệ trai gái bên ngoài và thường xuyên đi làm về muộn, có những lần anh C đi chơi với bạn gái một hai hôm mới về, khi chị T phát hiện được, bạn gái của anh C và anh C đã thừa nhận và hứa không quan hệ với nhau nữa nhưng chỉ được một thời gian anh C lại tiếp tục quan hệ tình cảm với người con gái khác, không quan tâm đến vợ con. Chị T đã

khuyên bảo nhiều lần nhưng anh C không nghe, gần đây nhất ngày 21/10/2020 chị T bắt gặp anh C tâm sự với người con gái khác trên xe ô tô của anh C vào khoảng 22 giờ đêm. Hiện tại chị và anh C sống cùng nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Chị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị T xin được ly hôn anh C theo quy định của pháp luật.

Con chung: Vợ chồng có hai con chung là Giáp Thu T, sinh ngày 07/5/2006 và Giáp Nam A, sinh ngày 24/4/2015 hiện nay hai con đang ở cùng vợ chồng đời sống được đảm bảo. Sau khi ly hôn chị T nhận nuôi cả hai con chung của vợ chồng và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị T làm ở Công ty thu nhập bình quân 60.000.000đồng/ 1 tháng có xác nhận của Công ty.

Tài sản, công nợ, ruộng canh tác không có vướng mắc gì. Chị T không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Giáp Văn C trình bày: Anh C và chị T kết hôn với nhau tháng 8/2005 (âm lịch), trước khi kết hôn có tìm thỏa thuận, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Hải Dương. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau ngay, có thời gian hòa thuận nay có 02 con chung. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhỏ xảy ra nhưng vợ chồng dàn xếp được. Đến tháng 10/2020 thì xảy ra mâu thuẫn lớn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị T nghi ngờ anh C có quan hệ trai gái bên ngoài. Anh C làm nghề dạy học lái xe ô tô tại Trường trung cấp nghề, địa chỉ tại xã Song Mai, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Anh không nhớ rõ ngày chỉ nhớ cuối tháng 10/2020 lớp học lái xe có liên hoan lớp và anh có đến dự, sau khi ăn uống xong có một học viên nữ nhờ anh đưa về nhà tại xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên vào buổi tối. Khi anh dừng xe ở rìa đường cây số 8 Tân Yên thì chị T bắt gặp khi anh và cô học viên đang ngồi trên xe tâm sự. chị T bắt gặp nhưng không nói gì và lấy xe về, anh và cô học viên tự về. Khi anh về nhà thì vợ chồng có ngồi tranh luận, sau đó vợ chồng chiến tranh lạnh ít nói chuyện với nhau. Hiện tại vợ chồng vẫn đang ở cùng nhà nhưng ít tâm sự và nói chuyện với nhau, mặc dù ở cùng nhà nhưng không ăn, ngủ cùng nhau. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình chưa dàn xếp. Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị T xin ly hôn anh không nhất trí. Nếu chị T kiên quyết xin ly hôn anh cũng không nhất trí.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Giáp Thu T, sinh ngày 07/5/2006 và Giáp Nam A, sinh ngày 24/4/2015 nay vẫn ở cùng anh và chị T đời sống được đảm bảo. Nếu vợ chồng phải ly hôn anh C nhận nuôi con nhỏ của vợ chồng là Giáp Nam A và không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Hiện nay anh C là giáo viên dậy lái xe ô tô, mức thu nhập bình quân 7.000.000đồng/ 1 tháng.

Tài sản, công nợ, ruộng canh tác không có vướng mắc gì. Nếu vợ chồng phải ly hôn không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa chị T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh cường và nhận nuôi hai con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

Tại phiên tòa anh C không nhất trí ly hôn chị T. Nếu vợ chồng phải ly hôn anh C yêu cầu được nuôi con thứ hai của vợ chồng và không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án đề nghị HĐXX:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273- Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, xử:

Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Giáp Văn C.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được nuôi hai con chung của vợ chồng là Giáp Thu T, sinh ngày 07/5/2006 và Giáp Nam A, sinh ngày 24/4/2015. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

Về công sức, công nợ, ruộng đất: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được trừ vào số tiền chị Thúy đã nộp tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Giáp Văn C là bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố N, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị T và anh Giáp Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 07/9/2005 tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương) được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T và anh C đã có thời gian chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Theo chị T trình bày mâu thuẫn vợ chồng là do anh C có quan hệ trai gái với nhiều người, chị T khuyên bảo nhiều lần nhưng anh C không nghe dẫn đến tình cảm vợ chồng căng thẳng. Anh C thừa nhận trước đây anh có quan hệ trai gái bên ngoài nhưng nay anh đã từ bỏ, gần đây nhất cuối tháng 10/2020 anh C có ngồi tâm sự với bạn gái trong xe ô tô vào ban đêm và chị T đã bắt gặp, đồng thời chị T đã lấy xe ô tô về và để anh C

và bạn gái tự đi về. Ngoài ra chị T và anh C đều trình bày vợ chồng vẫn chung sống cùng nhà nhưng ở riêng phòng, không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị T và anh C về đoàn tụ nhưng chị T không có nguyện vọng đoàn tụ và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh C, anh C không nhất trí ly hôn chị T nhưng cũng không có biện pháp nào nhằm hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ chung sống. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Giáp Văn C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Giáp Thu T, sinh ngày 07/5/2006 và Giáp Nam A, sinh ngày 24/4/2015 hiện tại hai con vẫn ở cùng chị T và anh C đời sống được đảm bảo. Sau khi ly hôn chị T nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng; anh C nhận nuôi con nhỏ của vợ chồng và không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Xét điều kiện nuôi con thì chị T có điều kiện hơn anh C vì hiện tại mức thu nhập của chị T 60.000.000đồng/ 1 tháng đã được Công ty xác nhận, anh C có mức thu nhập 7.000.000đồng/ 1 tháng nhưng anh C không cung cấp được xác nhận mức thu nhập. Tại phiên tòa án C trình bày mức thu nhập hàng tháng từ 7.500.000đồng đến 8.000.000đồng nhưng anh C không cung cấp được bảng lương thu nhập hàng tháng cho Tòa án nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu nuôi con sau khi ly hôn của anh C được. Để đảm bảo điều kiện cho các con được phát triển tốt về mọi mặt cần giao cho chị T được nuôi cả hai con chung là phù hợp pháp luật. Do chị T không yêu cầu nên anh C không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 56, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273- Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Giáp Văn C.

- Con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được nuôi 02 con chung của vợ chồng là Giáp Thu T, sinh ngày 07/5/2006 và Giáp Nam A, sinh ngày 24/4/2015. Anh Giáp Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị T.

Anh Giáp Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2016/0001453 ngày 27/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

- Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- CCTHADS huyện Việt Yên;
- UBND phường V;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Vũ Văn Hợp